## DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

## TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 – 2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND tỉnh Bình Phước)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên chương trình - Dự án** | **Mục tiêu dự án** | **Hình thức đầu tư** | **Quy mô dự án** | **Vốn  đầu tư** | **Địa điểm** | **Điều kiện thuận lợi của dự án  đầu tư** | **Đối tác  liên hệ** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| **I** | **PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN CƯ** | | | | | | | |
| 1 | Các khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú | Sản xuất công nghiệp và thương mại, dịch vụ | FDI hoặc Trong nước | Tổng diện tích 6.300ha | 05 tỷ USD | Huyện Đồng Phú | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  BQL Khu kinh tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Đồng Phú |
| 2 | Khu công nghiệp Nha Bích, Chơn Thành | Sản xuất công nghiệp | FDI hoặc Trong nước | 300ha | 300 triệu USD | Huyện Chơn Thành | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  BQL Khu kinh tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Chơn Thành |
| 3 | Khu công nghiệp Tân Khai, huyện Hớn Quản | Sản xuất công nghiệp | FDI hoặc Trong nước | 240ha | 240 triệu USD | Huyện Hớn Quản | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  BQL Khu kinh tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hớn Quản |
| 4 | Khu công nghiệp Minh Đức, huyện Hớn Quản | Sản xuất công nghiệp | FDI hoặc Trong nước | 460ha | 460 triệu USD | Huyện Hớn Quản | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  BQL Khu kinh tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hớn Quản |
| 5 | Khu công nghiệp Đồng Nơ, huyện Hớn Quản | Sản xuất công nghiệp | FDI hoặc Trong nước | 500ha | 500 triệu USD | Huyện Hớn Quản | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  BQL Khu kinh tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hớn Quản |
| 6 | Khu công nghiệp Long Tân, huyện Phú Riềng | Sản xuất công nghiệp | FDI hoặc Trong nước | 283ha | 280 triệu USD | Huyện Phú Riềng | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  BQL Khu kinh tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Phú Riềng |
| 7 | Khu công nghiệp Phú Riềng, huyện Phú Riềng | Sản xuất công nghiệp | FDI hoặc Trong nước | 493ha | 490 triệu USD | Huyện Phú Riềng | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  BQL Khu kinh tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Phú Riềng |
| 8 | Khu công nghiệp Long Hà, huyện Phú Riềng | Sản xuất công nghiệp | FDI hoặc Trong nước | 524ha | 520 triệu USD | Huyện Phú Riềng | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  BQL Khu kinh tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Phú Riềng |
| **II** | **PHÁT TRIỂN CỤM NGÀNH ĐIỀU** | | | | | | | |
| 9 | Dự án chuỗi liên kết sản xuất điều theo tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ, tiêu chuẩn HACPP | Sản xuất nông nghiệp thân thiện với môi trường | FDI hoặc Trong nước | 1.000 ha | 100 triệu USD | Xã Đức Liễu - xã Bình Minh, huyện Bù Đăng | Diện tích điều trong khu vực có sản lượng, chất lượng cao, phù hợp với tiêu chuẩn xuất khẩu | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  UBND huyện Bù Đăng, Sở NN&PTNT, Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 10 | Nhà máy sản xuất dầu từ vỏ hạt điều tinh lọc xuất khẩu | Dầu từ vỏ cứng, vỏ lụa, phụ phẩm từ hạt điều: 20.000 tấn/năm | FDI hoặc Trong nước | 10 ha | 60 triệu USD | Bù Đăng, Phú Riềng | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 11 | Nhà máy sản xuất Snack hạt điều nhân và các loại hạt khác | Chế biến hạt điều nhân và các loại hạt khác ăn liền: 2.000 tấn/năm | FDI hoặc Trong nước | 10 ha | 80 triệu USD | Bù Đăng, Đồng Xoài, Phước Long | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 12 | 02 Cụm công nghiệp chế biến chuyên ngành điều | Cụm công nghiệp chuyên biệt sản xuất các sản phẩm hạt điều | FDI hoặc trong nước | 50 ha/cụm | 30 triệu USD/cụm | Bù Đăng, Bình Long, Đồng Phú | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Công Thương |
| **III** | **PHÁT TRIỂN CỤM NGÀNH CHẾ BIẾN GỖ - CAO SU** | | | | | | | |
| 13 | Nhà máy sản xuất sản phẩm gỗ, gia dụng, đồ gỗ nội, ngoại thất xuất khẩu | Sản phẩm đồ gỗ | FDI hoặc Trong nước | 10 ha | 100 triệu USD | Trong KCN, CCN: Đồng Phú, Chơn Thành, Bù Đăng | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 14 | Nhà máy chế biến các sản phẩm từ mủ cao su | Sản phẩm từ mủ cao su | FDI hoặc Trong nước | 20 ha | 300 triệu USD | Trong KCN, CCN trên địa bàn tỉnh | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 15 | 02 Cụm công nghiệp chế biến chuyên ngành gỗ | Cụm công nghiệp chuyên biệt sản xuất các sản phẩm từ gỗ; đồ gỗ nội thất | FDI hoặc trong nước | 50 ha/cụm | 30 triệu USD/cụm | Chơn Thành, Hớn Quản | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Công Thương |
| **IV** | **PHÁT TRIỂN CỤM NGÀNH CHẾ BIẾN TRÁI CÂY** | | | | | | | |
| 16 | Nhà máy chế biến bột: sầu riêng, trái cây, hạt xuất khẩu | Bột sầu riêng xuất khẩu: 500 tấn/năm | FDI hoặc Trong nước | 5ha | 60 triệu USD | Bù Đăng, Đồng Phú | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 17 | Nhà máy cấp đông sầu riêng, bơ xuất khẩu | Cấp đông sầu riêng, bơ: 5.000 tấn/năm | FDI hoặc Trong nước | 5 ha | 60 triệu USD | Bù Đăng, Phú Riềng, Đồng Phú | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 18 | Nhà máy sản xuất nước chanh dây, trái cây khác đóng lon | Nước chanh dây đóng lon: 2 tấn/giờ - 4.800 tấn/năm | FDI hoặc Trong nước | 10 ha | 100 triệu USD | Bù Đăng, Đồng Xoài, Phước Long | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 19 | Cụm công nghiệp chế biến trái cây | Cụm công nghiệp chuyên biệt chế biến trái cây | FDI hoặc trong nước | 50 ha/cụm | 30 triệu USD | Lộc Ninh, Bù Đốp, Đồng Phú | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Công Thương |
| **V** | **PHÁT TRIỂN CỤM NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ - CHẾ TẠO** | | | | | | | |
| 20 | Nhà máy sản xuất, lắp ráp thiết bị điện - điện tử | Phục vụ ngành công nghiệp hỗ trợ | FDI | 10 ha | 100 triệu USD | Trong KCN, CCN: Chơn Thành, Đồng Phú, Đồng Xoài, Hớn Quản | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế |
| 21 | Nhà máy sản xuất khuôn, đúc | Phục vụ ngành công nghiệp hỗ trợ | FDI | 10 ha | 100 triệu USD | Trong KCN, CCN: Chơn Thành, Đồng Phú, Đồng Xoài, Hớn Quản | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế |
| 22 | Nhà máy sản xuất thiết bị, phụ tùng | Phục vụ ngành công nghiệp hỗ trợ | FDI | 10 ha | 100 triệu USD | Trong KCN, CCN: Chơn Thành, Đồng Phú, Đồng Xoài, Hớn Quản | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế |
| 23 | Nhà máy sản xuất lốp xe chuyên dụng | Phục vụ ngành công nghiệp hỗ trợ | FDI | 10 ha | 300 triệu USD | Trong KCN, CCN: Chơn Thành, Đồng Phú, Đồng Xoài, Hớn Quản | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế |
| 24 | Nhà máy cơ khí chế tạo | Phục vụ ngành công nghiệp hỗ trợ | FDI | 10 ha | 100 triệu USD | Trong KCN, CCN: Chơn Thành, Đồng Phú, Đồng Xoài, Hớn Quản | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế |
| 25 | Nhà máy dệt; sản xuất linh phụ kiện cho ngành dệt may | Phục vụ ngành công nghiệp hỗ trợ | FDI | 10 ha | 100 triệu USD | Trong KCN, CCN: Chơn Thành, Đồng Phú, Đồng Xoài, Hớn Quản | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế |
| **VI** | **PHÁT TRIỂN CỤM NGÀNH DỊCH VỤ HỖ TRỢ XUẤT KHẨU NÔNG SẢN** | | | | | | | |
|
| 26 | Nhà máy chiếu xạ trái cây, hạt | Phục vụ chế biến, xuất khẩu nông sản trong tỉnh & Vùng vào thị trường chính Úc, Mỹ | FDI hoặc Trong nước | 5 ha | 30 triệu USD | Trong KCN, CCN: Đồng Phú, Đồng Xoài, Bù Đăng, Phước Long | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế |
| 27 | Nhà máy tiệt trùng UHT trái cây | Phục vụ chế biến, xuất khẩu nông sản trong tỉnh & Vùng vào thị trường chính Úc, Mỹ | FDI hoặc Trong nước | 5 ha | 30 triệu USD | Trong KCN, CCN: Đồng Phú, Đồng Xoài, Bù Đăng, Phước Long | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế |
| **VII** | **DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHỢ, TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI** | | | | | | | |
| 28 | Trung tâm thương mại; ngân hàng; khách sạn Hớn Quản | Xã hội hóa - Xây dựng, quản lý, kinh doanh | FDI hoặc Trong nước | 3,5 ha | 20 triệu USD | Trung tâm hành chính huyện Hớn Quản | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  UBND huyện Hớn Quản |
|
| 29 | 04 Siêu thị | Đáp ứng nhu cầu mua bán, hoạt động thương mại của người dân | FDI hoặc Trong nước | 01 ha/dự án | 20 triệu USD/dự án | Đồng Xoài, Bình Long, Phước Long, Chơn Thành | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Công Thương, UBND các huyện, thị xã, thành phố |
| 30 | 06 Trung tâm thương mại | Xây dựng trung tâm thương mại tầm cỡ, đáp ứng nhu cầu mua bán, hoạt động thương mại của người dân | FDI hoặc Trong nước | 02 ha/dự án | 60 triệu USD/dự án | Đồng Xoài, Phước Long, Bình Long, Chơn Thành, Đồng Phú, Phú Riềng | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Công Thương, UBND các huyện, thị xã, thành phố |
| 31 | Hệ thống bán buôn, chợ đầu mối; các cửa hàng tiện ích; hạ tầng thương mại biên giới; hệ thống trung tâm logistic - cảng ICD | Đáp ứng nhu cầu mua bán, hoạt động thương mại cửa khẩu, biên giới | FDI hoặc Trong nước | 20 ha | 100 triệu USD/dự án | Huyện Lộc Ninh, Bù Đốp, Chơn Thành, Đồng Phú, thành phố Đồng Xoài | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Công Thương, UBND các huyện, thị xã, thành phố |
| **VIII** | **DỰ ÁN LĨNH VỰC GIÁO DỤC, Y TẾ** | | | | | | | |
| 32 | Trường phổ thông liên cấp chất lượng cao (từ Tiểu học - Trung học cơ sở - Trung học phổ thông) | Phục vụ nhu cầu học tập của người dân | Trong nước | Tối thiểu 1.000 học sinh/trường | 50 triệu USD/dự án | Thành phố Đồng Xoài, huyện Chơn Thành, huyện Đồng Phú | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND thành phố Đồng Xoài, huyện Chơn Thành, huyện Đồng Phú |
| 33 | Trường đại học hoặc Phân hiệu đại học | Phục vụ nhu cầu học tập của người dân | Trong nước | Tối thiểu 1.000 học sinh/trường | 70 triệu USD/dự án | Thành phố Đồng Xoài, huyện Chơn Thành, huyện Đồng Phú | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND thành phố Đồng Xoài, huyện Chơn Thành, huyện Đồng Phú |
| 34 | Trường đào tạo nghề trình độ trung cấp và cao đẳng | Đào tạo nghề cho lao động | FDI hoặc trong nước | Tối thiểu 1.000 học viên/trường | 50 triệu USD/dự án | Thành phố Đồng Xoài, huyện Chơn Thành, huyện Đồng Phú | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Lao động Thương binh và Xã hội, UBND thành phố Đồng Xoài, huyện Chơn Thành, huyện Đồng Phú |
| 35 | Bệnh viện đa khoa tư nhân huyện Lộc Ninh | Phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh | FDI hoặc trong nước | Tối thiểu 100 giường bệnh | 80 triệu USD/dự án | Huyện Lộc Ninh | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Y tế, UBND huyện Lộc Ninh |
| 36 | Bệnh viện đa khoa tư nhân thị xã Bình Long | Phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh | FDI hoặc trong nước | Tối thiểu 150 giường bệnh | 100 triệu USD/dự án | Thị xã Bình Long | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Y tế, UBND thị xã Bình Long |
| 37 | Bệnh viện đa khoa tư nhân thị xã Phước Long | Phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh | FDI hoặc trong nước | Tối thiểu 150 giường bệnh | 100 triệu USD/dự án | Thị xã Phước Long | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Y tế, UBND thị xã Phước Long |
| 38 | Bệnh viện đa khoa tư nhân thành phố Đồng Xoài | Phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh | FDI hoặc trong nước | Tối thiểu 200 giường bệnh | 130 triệu USD/dự án | Thành phố Đồng Xoài | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Y tế, UBND thành phố Đồng Xoài |
| **IX** | **LĨNH VỰC ĐÔ THỊ - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - DU LỊCH** | | | | | | | |
| 39 | Khu đô thị mới thành phố Đồng Xoài | Phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ | FDI hoặc trong nước | 375ha | 500 triệu USD | Thành phố Đồng Xoài | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, UBND thành phố Đồng Xoài |
| 40 | Khu đô thị nghỉ dưỡng cao cấp và sân golf thành phố Đồng Xoài | Phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ | FDI hoặc trong nước | 1.700ha | 2 tỷ USD | Thành phố Đồng Xoài | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, UBND thành phố Đồng Xoài |
| 41 | Dự án sinh thái kết hợp khu sân golf Hồ Thác Mơ | Phát triển du lịch, kết hợp sân golf | FDI hoặc trong nước | 300 ha | 300 triệu USD | Thị xã Phước Long | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, UBND thị xã Phước Long |
| 42 | Khu phức hợp sân Golf, đô thị và thương mại | Phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ | FDI hoặc trong nước | Sân golf 36 lỗ và Khu đô thị, thương mại, dịch vụ.  Diện tích 234ha | 400 triệu USD | Thị xã Chơn Thành | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND thị xã Chơn Thành |
| 43 | Khu phức hợp sân Golf, đô thị và thương mại Suối Giai | Phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ | FDI hoặc trong nước | Sân golf 36 lỗ và Khu đô thị, thương mại, dịch vụ.  Diện tích 2.000ha | 1,3 tỷ USD | Huyện Đồng Phú | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Đồng Phú |
| 44 | Khu phức hợp sân golf, đô thị và thương mại Suối Lam. huyện Đồng Phú | Phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ | FDI hoặc trong nước | 400ha | 500 triệu USD | Huyện Đồng Phú | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, UBND huyện Đồng Phú |
| 45 | Khu du lịch sinh thái kết hợp sân golf trảng cỏ Bù Lạch, huyện Bù Đăng | Phát triển du lịch, kết hợp sân golf | FDI hoặc trong nước | Diện tích khoảng 400 ha và Sân golf 36 lỗ | 300 triệu USD | Huyện Bù Đăng | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Bù Đăng |
| 46 | Khu dân cư huyện Đồng Phú | Phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ | FDI hoặc Trong nước | 2.000ha | 2 tỷ USD | Huyện Đồng Phú | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Kế hoạch và Đầu Tư, UBND huyện Đồng Phú |
| 47 | Khu du lịch Bộ Chỉ huy miền Tà Thiết | Phát triển du lịch | FDI hoặc trong nước | 2.000 ha | 500 triệu USD | Lộc Ninh | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND huyện Lộc Ninh |
| 48 | Khu Bảo tồn Văn hóa dân tộc S’tiêng sóc Bom Bo | Phát triển tour du lịch | FDI hoặc trong nước | 20 ha | 30 triệu USD | Bù Đăng | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND huyện Bù Đăng |
| 49 | Khu du lịch sinh thái Vườn quốc gia Bù Gia Mập | Phát triển du lịch | FDI hoặc trong nước | 26.032 ha | 40 triệu USD | Huyện Bù Gía Mập | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Quản lý Vườn quốc gia Bù Gia Mập |
| 50 | Khu quần thể văn hóa - cứu sinh núi Bà Rá | Phát triển du lịch | FDI hoặc trong nước | 1.200 ha | 500 triệu USD | Thị xã Phước Long | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND thị xã Phước Long |
| 51 | Khu du lịch Đảo yến Sơn Hà | Phát triển du lịch | FDI hoặc trong nước | 10 ha | 50 triệu USD | Huyện Đồng Phú | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND huyện Đồng Phú |
| 52 | Khu du lịch sinh thái Cù lao, huyện Bù Đốp | Phát triển du lịch | FDI hoặc trong nước | 174 ha | 50 triệu USD | Huyện Bù Đốp | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND huyện Bù Đốp |
| 53 | Đầu tư xây dựng cảng ICD Chơn Thành | Phát triển dịch vụ logistics | FDI hoặc trong nưóc | 45 ha | 50 triệu USD | Huyện Chơn Thành | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Giao thông Vận tải, UBND huyện Chơn Thành |
| 54 | Đầu tư xây dựng cảng ICD Đồng Phú | Phát triển dịch vụ logistics | FDI hoặc trong nưóc | 30 ha | 30 triệu USD | Huyện Đồng Phú | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Giao thông Vận tải, UBND huyện Đồng Phú |
| **X** | **DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP** | | | | | | | |
| 55 | Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy giết mổ, chế biến, gia súc, gia cầm công nghiệp trên địa bàn tỉnh | Giết mổ, chế biến, gia súc, gia cầm công nghệ cao | FDI hoặc trong nước | Giết mổ gia súc công suất trên 1.000 con/ ngày; Giết mổ gia cầm công suất trên 5.000 con/ngày | 200 triệu USD | Tỉnh Bình Phước | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn |
| 56 | Dự án phát triển một số vùng trồng cây ăn trái kết hợp du lich sinh thái trên địa bàn một số huyện, thị | Phát triển một số vùng trồng cây ăn trái kết hợp du lich sinh thái | FDI hoặc trong nước | Tại các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh | 100 triệu USD | Tỉnh Bình Phước | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước dân tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. |
| **XI** | **CÁC DỰ ÁN CÔNG NGHỆ CAO** | | | | | | | |
| 57 | Trung tâm giáo dục, đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp | Thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực CNTT, công nghệ phần mềm, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới | FDI hoặc trong nước | 200ha | 200 triệu USD | Huyện Chơn Thành | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học Công nghệ, UBND huyện Chơn Thành |
| 58 | Các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Phước | Thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | FDI hoặc trong nước | 1.000ha | 300 triệu USD | Các huyện, thị xã, thành phố | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố |
| **XII** | **CÁC DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO** | | | | | | | |
| 59 | Các nhà máy điện năng lượng mặt trời huyện Lộc Ninh | Phát triển năng lượng tái tạo | Trong nước | 3.000ha | 2,4 tỷ USD | Huyện Lộc Ninh | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Lộc Ninh |
| 60 | Các nhà máy điện năng lượng mặt trời huyện Hớn Quản | Phát triển năng lượng tái tạo | Trong nước | 1.000ha | 800 triệu USD | Huyện Hớn Quản | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hớn Quản |
| 61 | Nhà máy điện sinh khối Bình Phước | Phát triển năng lượng tái tạo | Trong nước | 20ha | 80 triệu USD | Thị xã Phước Long | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Công thương, UBND thị xã Phước Long |
| **XIII** | **CÁC DỰ ÁN XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN** | | | | | | | |
| 62 | 05 nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt | Xử lý chất thải | Trong nước | 50ha | 20 triệu USD | Thị xã Phước Long, thị xã bình Long, huyện Chơn Thành, huyện Đồng Phú, huyện Hớn Quản | Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước | TT. Xúc tiến ĐTTMDL,  Sở Xây dựng, UBND các huyện, thị xã |
|  | **Tổng** | | | | **23 tỷ 530 triệu USD** |  |  |  |